

T, ngày 10 tháng 6 năm 2022

Số: 12/2022/QĐCNHGT-DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;  
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của ông Trần Kim Anh và anh Hà Văn Th, chị Lê Thị Thúy D.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” đề ngày 18 tháng 4 năm 2022 của ông Trần Kim A.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ *Người khởi kiện*: Ông **Trần Kim A**, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

+ *Người bị kiện*: Anh **Hà Văn Th**, sinh năm 1983 và chị **Lê Thị Thúy D**, sinh năm 1983; Đều ở địa chỉ: Xóm Nh, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyên sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 5 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 5 năm 2022, cụ thể như sau:

Anh Hà Văn Th và chị Lê Thị Thúy D xác định có vay của ông Trần Kim A số tiền 21.000.000đ theo Hợp đồng vay tiền lập ngày 29/01/2014 và số tiền 79.000.000đ theo Hợp đồng vay tiền mặt lập ngày 26/01/2017. Tổng số là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*). Hai bên không tính lãi suất.

Tính đến ngày 26/5/2022 anh Hà Văn Th và chị Lê Thị Thúy D còn nợ ông Trần Kim A tổng số tiền gốc là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*).

Nay hai bên thỏa thuận:

Anh Hà Văn Th và chị Lê Thị Thúy D có nghĩa vụ trả tiền gốc cho ông Trần Kim A thành 20 kỳ (trương đương bằng 20 tháng); Cụ thể như sau:

- Kỳ 1 trả vào ngày 25/7/2022 số tiền gốc là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

- Kỳ 2 trả vào ngày 25/8/2022 số tiền gốc là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

- Kỳ 3 trả vào ngày 25/9/2022 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 4 trả vào ngày 25/10/2022 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 5 trả vào ngày 25/11/2022 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 6 trả vào ngày 25/12/2022 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 7 trả vào ngày 25/01/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 8 trả vào ngày 25/02/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 9 trả vào ngày 25/3/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 10 trả vào ngày 25/4/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 11 trả vào ngày 25/5/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 12 trả vào ngày 25/6/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 13 trả vào ngày 25/7/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 14 trả vào ngày 25/8/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 15 trả vào ngày 25/9/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 16 trả vào ngày 25/10/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 17 trả vào ngày 25/11/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 18 trả vào ngày 25/12/2023 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 19 trả vào ngày 25/01/2024 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Kỳ 20 trả vào ngày 25/02/2024 số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Hai bên không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm được ghi trong Hợp đồng vay tiền lập ngày 29/01/2014 và Hợp đồng vay tiền mặt lập ngày 26/01/2017. Do các bên đều xác định việc thế chấp (hoặc cầm cố) tài sản ghi trong các Hợp đồng vay tiền này chỉ để làm tin chứ thực chất các bên không có việc giao nhận tài sản thế chấp (hoặc cầm cố).

Ông Trần Kim A không yêu cầu Hà Văn Th và chị Lê Thị Thúy D phải trả tiền lãi quá hạn đối với 02 khoản vay nêu trên.

Nếu anh Hà Văn Th và chị Lê Thị Thúy D vi phạm việc cam kết trả nợ tại kỳ thanh toán nào thì ông Trần Kim A có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ dư nợ gốc còn lại.

Trường hợp anh Hà Văn Th và chị Lê Thị Thúy D vi phạm việc cam kết trả nợ tại kỳ thanh toán nào thì anh Th và chị D phải chịu lãi suất chậm trả đối với toàn bộ dư nợ gốc còn lại, mức lãi suất thỏa thuận là 1,0%/tháng.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện T;

(đã ký)

- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu TA.

**Nguyễn Thị Hồng Mai**